

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ HQ VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ HQ VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM INTERNATIONAL TRADE AND COOPERATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108787463

3. Ngày thành lập: 17/06/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 15, Ngõ 86 Tô Vĩnh Diện, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942001586

Fax:

Email: quanghong20380@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục - Tư vấn du học (Theo Điều 106 – Nghị định 46/2017/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư hoạt động trong lĩnh vực giáo dục)	8560(Chính)
2.	Đại lý du lịch	7911
3.	Điều hành tua du lịch	7912
4.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
5.	Quảng cáo	7310
6.	In ấn	1811
7.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
8.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
9.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
10.	Xây dựng công trình thủy	4291
11.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
12.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
14.	Xây dựng công trình điện	4221
15.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
16.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
17.	Xây dựng công trình công ích khác	4229

18.	Phá dỡ	4311
19.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
20.	Xây dựng nhà để ở	4101
21.	Xây dựng nhà không để ở	4102
22.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
24.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
25.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
26.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
27.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
28.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
29.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
30.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
31.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
32.	Bán buôn đồ uống	4633
33.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
34.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;	4649
35.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
36.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
37.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
38.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
39.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	4662
40.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
41.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
42.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
43.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

44.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)	5629
45.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
46.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất	7410
47.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Cho thuê ô tô	7110
48.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
49.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
50.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
51.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
53.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
54.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Trừ hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm. (Theo điều 2 Nghị định 196/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
55.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
56.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
57.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
58.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
59.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
60.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
61.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
62.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
63.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
64.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232

65.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
66.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
67.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất quần áo bảo hộ lao động.	1410
68.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
69.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THÚY	khu HC 3, Phường Đồng Đa, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	135099324	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		
2	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Thanh Giã 2, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	0251830004 71	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		

3	NGUYỄN HỒNG QUANG	Thôn Liên Sơn, Xã Như Thụy, Huyện Sông Lô, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	60,000	0260800045 07	
			Tổng số	60.000	600.000.000	60,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỒNG QUANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/03/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 026080004507

Ngày cấp: 12/03/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Liên Sơn, Xã Như Thụy, Huyện Sông Lô, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Liên Sơn, Xã Như Thụy, Huyện Sông Lô, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội